

Số: 106 /CBTT-VOSA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất năm 2024 (đã được kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

- Mã chứng khoán: VSA

- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

- Điện thoại liên hệ: (028) 54161820 / 54161821 / 54161822

- Email: vosagroup@vosagroup.com

Website: [www.vosa.com.vn](http://www.vosa.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Hợp nhất năm 2024.

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2025 tại đường dẫn: <https://vosa.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất năm 2024;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

---

Tháng 03 năm 2025

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>                        | <b><u>TRANG</u></b> |
|-----------------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 2 - 4               |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 5 - 6               |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 7 - 8               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 9                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 10                  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 11 - 45             |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ trang 07 đến trang 45 kèm theo.

#### KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ và thương mại hàng hải.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

|                      |                    |                            |
|----------------------|--------------------|----------------------------|
| Ông Đỗ Tiến Đức      | Chủ tịch           | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Trần Tuấn Hải    | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Nguyễn Đình Tú   | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Nguyễn Đức Thiện | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Trần Hồng Quang  | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Đặng Hồng Trường | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Nguyễn Thế Tiệp  | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Vũ Phước Long    | Thành viên         | Miễn nhiệm ngày 15/05/2024 |
| Bà Nguyễn Bích Thảo  | Thành viên         | Miễn nhiệm ngày 15/04/2024 |

##### Ban Kiểm soát

|                        |                      |                            |
|------------------------|----------------------|----------------------------|
| Bà Dương Thị Hồng Hạnh | Trưởng ban kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Hoàng Việt         | Trưởng ban kiểm soát | Miễn nhiệm ngày 15/04/2024 |
| Ông Nguyễn Hồng Hải    | Thành viên           | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Nguyễn Sơn Hà      | Thành viên           | Bổ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Bà Trần Thị Hạnh       | Thành viên           | Miễn nhiệm ngày 15/04/2024 |

##### Ban Tổng Giám đốc

|                           |                             |                            |
|---------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Đình Tú        | Phó Tổng Giám đốc phụ trách | Bổ nhiệm ngày 02/05/2024   |
| Ông Vũ Phước Long         | Phó Tổng Giám đốc phụ trách | Miễn nhiệm ngày 02/05/2024 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Trang | Phó Tổng Giám đốc           |                            |

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trường phòng Tài chính kế toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch HĐQT.

Theo Quyết định số 86/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 22/05/2024, Ông Nguyễn Đình Tú thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 22/05/2024 đến ngày 31/12/2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo, ngoại trừ sự kiện đã được nêu tại Thuyết minh số 40.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Đình Tú**

**Phó Tổng Giám đốc phụ trách**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025*

Số: 15 /2025/UHYHCM - BCKTĐL

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”). Theo đó, Tập đoàn không trình bày số liệu so sánh. Một số khoản mục thuyết minh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 29/03/2024.



**Phan Thanh Điền**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 1496-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025*

**Nguyễn Thị Tuyết Hoa**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 3558-2021-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Tại 31/12/2024<br>VND  |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b> |             | <b>484.055.472.785</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | <b>110</b> | <b>6</b>    | <b>220.057.534.001</b> |
| Tiền                                         | 111        |             | 94.835.534.001         |
| Các khoản tương đương tiền                   | 112        |             | 125.222.000.000        |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>             | <b>120</b> | <b>7</b>    | <b>27.820.000.000</b>  |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 123        |             | 27.820.000.000         |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>           | <b>130</b> |             | <b>217.564.849.222</b> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131        | 8           | 147.980.263.768        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132        | 9           | 9.567.699.446          |
| Phải thu ngắn hạn khác                       | 136        | 10          | 60.286.829.902         |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137        | 11          | (269.943.894)          |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>150</b> |             | <b>18.613.089.562</b>  |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151        | 12          | 4.949.059.414          |
| Thuế GTGT được khấu trừ                      | 152        |             | 13.519.501.721         |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 153        | 20          | 144.528.427            |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>133.184.012.778</b> |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>3.869.666.325</b>   |
| Phải thu dài hạn khác                        | 216        | 10          | 3.869.666.325          |
| <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>220</b> |             | <b>57.578.004.279</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 13          | 40.356.773.297         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 160.433.199.313        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (120.076.426.016)      |
| Tài sản cố định vô hình                      | 227        | 14          | 17.221.230.982         |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 22.440.639.643         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (5.219.408.661)        |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                   | <b>230</b> | <b>15</b>   | <b>14.586.138.347</b>  |
| - Nguyên giá                                 | 231        |             | 75.678.647.555         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 232        |             | (61.092.509.208)       |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>240</b> |             | <b>358.541.667</b>     |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | 16          | 358.541.667            |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>17</b>   | <b>3.649.376.723</b>   |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 1.955.273.059          |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác           | 253        |             | 1.694.103.664          |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>53.142.285.437</b>  |
| Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | 12          | 53.124.756.450         |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | 17.528.987             |
| Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                          | <b>270</b> |             | <b>617.239.485.563</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Tại 31/12/2024<br>VND  |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>274.658.730.567</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>272.767.665.050</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 18          | 105.907.067.015        |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 312        | 19          | 11.760.084.030         |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 20          | 7.806.659.382          |
| Phải trả người lao động                         | 314        |             | 26.975.717.755         |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 21          | 9.126.330.594          |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn               | 318        |             | 148.545.452            |
| Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        | 22          | 103.696.641.101        |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | 23          | 7.346.619.721          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>1.891.065.517</b>   |
| Phải trả dài hạn khác                           | 337        | 22          | 1.816.487.884          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả    | 341        |             | 74.577.633             |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>342.580.754.996</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>24</b>   | <b>342.580.754.996</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 140.964.860.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 140.964.860.000        |
| Quỹ đầu tư phát triển                           | 418        |             | 165.913.555.864        |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 421        |             | 35.702.339.132         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 13.786.048.697         |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 21.916.290.435         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                           | <b>440</b> |             | <b>617.239.485.563</b> |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Lan

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Đình Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| Chỉ tiêu                                               | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND          |
|--------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>01</b> | <b>26</b>   | <b>1.101.209.084.537</b> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02        |             | -                        |
| <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>    | <b>10</b> | <b>26</b>   | <b>1.101.209.084.537</b> |
| Giá vốn hàng bán                                       | 11        | 27          | 1.015.436.206.480        |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |             | <b>85.772.878.057</b>    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        | 28          | 18.499.343.311           |
| Chi phí tài chính                                      | 22        | 29          | 4.089.969.856            |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                       | 23        |             | -                        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết    | 24        |             | (372.888.166)            |
| Chi phí bán hàng                                       | 25        |             | -                        |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 26        | 30          | 73.260.286.959           |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>30</b> |             | <b>26.549.076.387</b>    |
| Thu nhập khác                                          | 31        | 31          | 1.681.757.111            |
| Chi phí khác                                           | 32        | 32          | 426.462.122              |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                  | <b>40</b> |             | <b>1.255.294.989</b>     |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>50</b> |             | <b>27.804.371.376</b>    |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                            | 51        | 33          | 5.831.032.295            |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                             | 52        | 34          | 57.048.646               |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>        | <b>60</b> |             | <b>21.916.290.435</b>    |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ              | 61        |             | 21.916.290.435           |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62        |             | -                        |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                        | <b>70</b> | <b>35</b>   | <b>1.555</b>             |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                      | <b>71</b> | <b>36</b>   | <b>1.555</b>             |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Thanh Thủy



Nguyễn Đình Tú

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| Chỉ tiêu                                                                                       | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                 |       |             |                  |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                           | 01    |             | 27.804.371.376   |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                                |       |             |                  |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                         | 02    |             | 10.176.686.952   |
| Các khoản dự phòng                                                                             | 03    |             | 47.935.805       |
| Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    |             | 239.470.975      |
| (Lãi) hoạt động đầu tư                                                                         | 05    |             | (5.486.587.029)  |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                           | 08    |             | 32.781.878.079   |
| Giảm các khoản phải thu                                                                        | 09    |             | 41.274.572.386   |
| (Tăng) hàng tồn kho                                                                            | 10    |             | -                |
| Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)       | 11    |             | 16.868.618.324   |
| Giảm chi phí trả trước                                                                         | 12    |             | 905.179.806      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15    |             | (8.583.226.605)  |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 17    |             | (6.588.045.753)  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                           | 20    |             | 76.658.976.237   |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                     |       |             |                  |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                 | 21    |             | (2.272.115.310)  |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                 | 22    |             | 134.360.270      |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                           | 23    |             | (3.600.000.000)  |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                    | 26    |             | 500.000.000      |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                                | 27    |             | 5.807.898.456    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                               | 30    |             | 570.143.416      |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                                  |       |             |                  |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                        | 36    |             | (45.121.475.200) |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                            | 40    |             | (45.121.475.200) |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                         | 50    |             | 32.107.644.453   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                        | 60    | 6           | 187.193.875.213  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                        | 61    |             | 756.014.335      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                       | 70    | 6           | 220.057.534.001  |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Đình Tú

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 là 140.964.860.000 đồng, được chia thành 14.096.486 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024 là 480 người.

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: VSA.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại hàng hải.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi và bán hàng hóa.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.

Cuối năm 2023 Công ty đã thành lập 02 Công ty con sở hữu 100% trên cơ sở chuyển đổi hoạt động của 02 Chi nhánh trực thuộc như đã trình bày tại thuyết minh số 1.6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, từ ngày 01/01/2024 trở đi, toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của 02 chi nhánh này đã được chuyển qua 02 Công ty TNHH độc lập hạch toán riêng. Đến ngày 31/12/2024, hai Chi nhánh vẫn đang tiếp tục xử lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả để tiến tới đóng mã số thuế của 02 chi nhánh trong thời gian tới.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Cụ thể:

| STT | Tên đơn vị                                                                                                  | Địa chỉ                                    | Hoạt động kinh doanh                                                                                                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (CN Vitamas) (*) | Thành phố Hồ Chí Minh                      | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |
| 2   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng                              | Thành phố Hải Phòng                        | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |
| 3   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý Vận tải quốc tế phía Bắc (*)                    | Thành phố Hải Phòng                        | Đại lý tàu hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận; vận tải biển                   |
| 4   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu                               | Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |
| 5   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Phương Đông                            | Thành phố Hải Phòng                        | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |
| 6   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn                                | Thành phố Hồ Chí Minh                      | Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển   |
| 7   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quảng Ninh                             | Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh         | Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu                |
| 8   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Nha Trang                              | Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa        | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |
| 9   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng                                | Thành phố Đà Nẵng                          | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |
| 10  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Bến Thủy                               | Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An               | Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu                |
| 11  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quy Nhơn                               | Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định         | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |
| 12  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội                                 | Thành phố Hà Nội                           | Đại lý giao nhận vận tải: Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối                  |
| 13  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ (*)                            | Thành phố Cần Thơ                          | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |
| 14  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra) (*)     | Thành phố Hồ Chí Minh                      | Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...) |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

(\*) Các Chi nhánh này hiện đang tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết chi tiết như sau:

| Thông tin bổ sung về Công ty con, Công ty liên kết | Trụ sở                                                                                             | Hoạt động kinh doanh chính                                                                                                      | Tại 31/12/2024             |                   |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------|
|                                                    |                                                                                                    |                                                                                                                                 | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) |
| <b><u>a. Công ty con</u></b>                       |                                                                                                    |                                                                                                                                 |                            |                   |
| + Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (1) | Số 25 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.                       | Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Vận tải Container bằng đường bộ    | 100%                       | 100%              |
| + Công ty TNHH Vitamas (2)                         | 44 - 46 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP HCM, Việt Nam.                                     | Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.                                                                     | 100%                       | 100%              |
| <b><u>b. Công ty liên kết</u></b>                  |                                                                                                    |                                                                                                                                 |                            |                   |
| + Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)       | Phòng 604, Saigon Riverside Center, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa | 20%                        | 20%               |

(1) Căn cứ theo Quyết định số 259/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 21/11/2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc, tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

(2) Căn cứ theo Quyết định số 258/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 21/11/2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Vitamas trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas), tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"). Theo đó, Tập đoàn không trình bày số liệu so sánh. Một số khoản mục thuyết minh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

**4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**5.2 NGOẠI TỆ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết.

**5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

**Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Ngoài ra, Công ty ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ là Nhà cửa, vật kiến trúc là toàn bộ giá trị cải tạo nội thất văn phòng với nguyên giá khoảng 2,97 tỷ đồng và đã thực hiện khấu hao trong 40 năm theo thời gian thuê.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| Nhóm tài sản                   | Thời gian khấu hao (năm) |
|--------------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc         | 06 - 44                  |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 04 - 10                  |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 - 10                  |

**Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| Nhóm tài sản      | Thời gian khấu hao (năm) |
|-------------------|--------------------------|
| Quyền sử dụng đất | 33 - 50                  |
| Phần mềm vi tính  | 03 - 05                  |

**5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)**

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính đối với nhóm tài sản Nhà cửa, vật kiến trúc là 05 - 20 năm.

**5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

**5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**5.10 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh khi mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

**5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong năm và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

**5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động tài chính*

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong năm bao gồm: Đại lý vận tải, đại lý tàu, kinh doanh kho bãi, đại lý liner, kiểm kiện hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ liên quan đến hàng hải, logistics.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam do đó không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp, tài sản, nợ phải trả.

**5.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Tập đoàn là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần, các Công ty liên kết do Tập đoàn đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                | Tại 31/12/2024         |
|--------------------------------|------------------------|
|                                | VND                    |
| Tiền mặt                       | 144.701.769            |
| Tiền gửi ngân hàng             | 94.690.832.232         |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 125.222.000.000        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>220.057.534.001</b> |

(\*) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 1,50% - 4,75%/năm.

**7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

|                                                                                   | Tại 31/12/2024        |                       |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|
|                                                                                   | Giá gốc<br>VND        | Giá trị hợp lý<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| <b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>                                            |                       |                       |                 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP<br>Ngoại thương Việt Nam - CN TP. HCM (*) | 26.820.000.000        | 26.820.000.000        | -               |
| - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam                                               | 1.000.000.000         | 1.000.000.000         | -               |
| <b>Cộng</b>                                                                       | <b>27.820.000.000</b> | <b>27.820.000.000</b> | <b>-</b>        |

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 2,8% - 4,3%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                                       | Tại 31/12/2024         |                      |
|-------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|
|                                                       | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND      |
| <b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>               | <b>147.980.263.768</b> | <b>(173.346.488)</b> |
| - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo | 23.910.382.470         | -                    |
| - Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP                | 7.008.672.607          | -                    |
| - Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam        | 14.116.722.448         | -                    |
| - Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương             | -                      | -                    |
| - Công ty Cổ phần Hyundai Aluminum Vina               | 4.129.749.475          | -                    |
| - Công ty Cổ phần Alk Vina                            | 2.529.391.000          | -                    |
| - Công ty TNHH KD Sports Việt Nam                     | 3.415.967.463          | -                    |
| - Phải thu khách hàng khác                            | 92.869.378.305         | (173.346.488)        |
| <b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>                | <b>-</b>               | <b>-</b>             |
| <b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>   | <b>1.119.094.708</b>   | <b>(125.410.683)</b> |
| - Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang                 | 125.410.683            | (125.410.683)        |
| - Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ                   | 60.000.000             | -                    |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ   | 36.586.080             | -                    |
| - Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ                        | 64.800.000             | -                    |
| - Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân       | 429.355.145            | -                    |
| - Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC              | 387.800.000            | -                    |
| - Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam        | 15.142.800             | -                    |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>147.980.263.768</b> | <b>(173.346.488)</b> |

**9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

|                                                     | Tại 31/12/2024       |                 |
|-----------------------------------------------------|----------------------|-----------------|
|                                                     | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>             | <b>9.567.699.446</b> | <b>-</b>        |
| - Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh                       | 3.998.257.444        | -               |
| - Trả trước cho người bán khác                      | 5.569.442.002        | -               |
| <b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>              | <b>-</b>             | <b>-</b>        |
| <b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> | <b>-</b>             | <b>-</b>        |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>9.567.699.446</b> | <b>-</b>        |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**10. PHẢI THU KHÁC**

|                                                                                      | Tại 31/12/2024        |                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|
|                                                                                      | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND     |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                                      | <b>60.286.829.902</b> | <b>(96.597.406)</b> |
| - Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN                                                    | 33.543.534            | -                   |
| - Tạm ứng                                                                            | 2.934.353.631         | -                   |
| - Ký cược, ký quỹ                                                                    | 7.485.748.437         | -                   |
| - Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí<br>chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu | 43.161.549.247        | (96.597.406)        |
| - Phải thu tiền cược cont                                                            | 864.000.000           | -                   |
| - Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn                                   | 761.963.135           | -                   |
| - Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia                                            | 1.573.644.014         | -                   |
| - Phải thu khác                                                                      | 3.472.027.904         | -                   |
| <b>Dài hạn</b>                                                                       | <b>3.869.666.325</b>  | <b>-</b>            |
| - Ký cược, ký quỹ                                                                    | 3.869.666.325         | -                   |
| <b>Cộng</b>                                                                          | <b>64.156.496.227</b> | <b>(96.597.406)</b> |

**11. NỢ XẤU**

|                                                                                                                    | Tại 31/12/2024     |                      |                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------------------|
|                                                                                                                    | Giá gốc<br>VND     | Dự phòng<br>VND      | Giá trị có<br>thể thu hồi<br>VND |
| <b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn<br/>thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó<br/>có khả năng thu hồi:</b> | <b>317.879.699</b> | <b>(269.943.894)</b> | <b>47.935.805</b>                |
| Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang                                                                                | 125.410.683        | (125.410.683)        | -                                |
| Shipping Corporation of India                                                                                      | 96.597.406         | (96.597.406)         | -                                |
| Công ty TNHH MTV Vận Tài Viễn Dương<br>Vinashin                                                                    | 95.871.610         | (47.935.805)         | 47.935.805                       |

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                   | Tại 31/12/2024<br>VND |
|-----------------------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                   | <b>4.949.059.414</b>  |
| - Công cụ dụng cụ chờ phân bổ     | 49.261.444            |
| - Chi phí sửa chữa tài sản        | 189.589.034           |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 4.710.208.936         |
| <b>Dài hạn</b>                    | <b>53.124.756.450</b> |
| - Công cụ dụng cụ chờ phân bổ     | 62.187.209            |
| - Tiền thuê đất trả trước (*)     | 53.034.308.231        |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác  | 28.261.010            |
| <b>Cộng</b>                       | <b>58.073.815.864</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)**

(\*) Là các khoản tiền thuê đất Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê của các lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hải Phòng.

Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2024 là 50.848.979.162 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2024 là 52.066.918.778 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong năm là 1.319.434.584 đồng). Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                           | Nhà cửa<br>vật kiến trúc<br>VND | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn<br>VND | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý<br>VND | Cộng<br>VND              |
|---------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>         |                                 |                                           |                                     |                          |
| <b>Tại 01/01/2024 (*)</b> | <b>97.692.012.106</b>           | <b>55.677.899.455</b>                     | <b>6.020.396.671</b>                | <b>159.390.308.232</b>   |
| - Mua trong năm nay       | -                               | 1.549.533.492                             | -                                   | 1.549.533.492            |
| - Thanh lý, nhượng bán    | (448.278.775)                   | -                                         | -                                   | (448.278.775)            |
| - Giảm khác               | (58.363.636)                    | -                                         | -                                   | (58.363.636)             |
| <b>Tại 31/12/2024</b>     | <b>97.185.369.695</b>           | <b>57.227.432.947</b>                     | <b>6.020.396.671</b>                | <b>160.433.199.313</b>   |
| <b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>     |                                 |                                           |                                     |                          |
| <b>Tại 01/01/2024 (*)</b> | <b>(66.686.699.252)</b>         | <b>(42.840.239.354)</b>                   | <b>(5.453.459.285)</b>              | <b>(114.980.397.891)</b> |
| - Khấu hao trong năm      | (2.217.673.845)                 | (3.095.286.220)                           | (249.099.121)                       | (5.562.059.186)          |
| - Thanh lý, nhượng bán    | 448.278.775                     | -                                         | -                                   | 448.278.775              |
| - Giảm khác               | 17.752.286                      | -                                         | -                                   | 17.752.286               |
| <b>Tại 31/12/2024</b>     | <b>(68.438.342.036)</b>         | <b>(45.935.525.574)</b>                   | <b>(5.702.558.406)</b>              | <b>(120.076.426.016)</b> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>    |                                 |                                           |                                     |                          |
| <b>Tại 01/01/2024 (*)</b> | <b>31.005.312.854</b>           | <b>12.837.660.101</b>                     | <b>566.937.386</b>                  | <b>44.409.910.341</b>    |
| <b>Tại 31/12/2024</b>     | <b>28.747.027.659</b>           | <b>11.291.907.373</b>                     | <b>317.838.265</b>                  | <b>40.356.773.297</b>    |

(\*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 70.153.754.675 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 71.834.876.944 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                                   | Quyền sử<br>dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>kế toán<br>VND | Cộng<br>VND     |
|-----------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                 |                             |                            |                 |
| Tại 01/01/2024 (*)                | 18.659.091.724              | 4.145.029.300              | 22.804.121.024  |
| - Mua trong năm                   | -                           | 568.181.818                | 568.181.818     |
| - Chuyển sang Bất động sản đầu tư | (931.663.199)               | -                          | (931.663.199)   |
| Tại 31/12/2024                    | 17.727.428.525              | 4.713.211.118              | 22.440.639.643  |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>            |                             |                            |                 |
| Tại 01/01/2024 (*)                | (2.133.018.407)             | (2.546.573.445)            | (4.679.591.852) |
| - Khấu hao trong năm              | (185.173.503)               | (499.197.565)              | (684.371.068)   |
| - Chuyển sang Bất động sản đầu tư | 144.554.259                 | -                          | 144.554.259     |
| Tại 31/12/2024                    | (2.173.637.651)             | (3.045.771.010)            | (5.219.408.661) |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>            |                             |                            |                 |
| Tại 01/01/2024 (*)                | 16.526.073.317              | 1.598.455.855              | 18.124.529.172  |
| Tại 31/12/2024                    | 15.553.790.874              | 1.667.440.108              | 17.221.230.982  |

(\*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.108.079.300 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 2.826.939.300 đồng).

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

|                                     | Tại 31/12/2024<br>VND | Tăng trong năm<br>VND | Giảm trong năm<br>VND | Tại 01/01/2024 (*)<br>VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------|
| <b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b> |                       |                       |                       |                           |
| Nguyên giá                          | 75.678.647.555        | 931.663.199           | -                     | 74.746.984.356            |
| - Nhà cửa vật kiến trúc             | 75.678.647.555        | 931.663.199           | -                     | 74.746.984.356            |
| Giá trị hao mòn lũy kế              | 61.092.509.208        | 4.074.810.957         | -                     | 57.017.698.251            |
| - Nhà cửa vật kiến trúc             | 61.092.509.208        | 4.074.810.957         | -                     | 57.017.698.251            |
| Giá trị còn lại                     | 14.586.138.347        | (3.143.147.758)       | -                     | 17.729.286.105            |
| - Nhà cửa vật kiến trúc             | 14.586.138.347        | (3.143.147.758)       | -                     | 17.729.286.105            |

(\*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

|                                                | Tại 31/12/2024     |
|------------------------------------------------|--------------------|
|                                                | VND                |
| Chi phí xây dựng tường rào kho bãi 222 Đồng Đa | 181.414.394        |
| Chi phí khác                                   | 177.127.273        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>358.541.667</b> |

**17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|                                                   | Tại 31/12/2024       |                                         |
|---------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|
|                                                   | Giá gốc              | Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ |
|                                                   | VND                  | VND                                     |
| <b>a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b> |                      |                                         |
| - Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)      | 7.248.600.000        | 1.955.273.059                           |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>7.248.600.000</b> | <b>1.955.273.059</b>                    |

|                                                        | Tại 31/12/2024       |                      |          |
|--------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------|
|                                                        | Giá gốc              | Giá trị hợp lý (*)   | Dự phòng |
|                                                        | VND                  | VND                  | VND      |
| <b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>               | <b>1.694.103.664</b> | <b>1.694.103.664</b> | -        |
| - Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (1) | 1.072.836.000        | 1.072.836.000        | -        |
| - Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (2)            | 63.746.040           | 63.746.040           | -        |
| - Công ty Liên doanh Bông Sen (3)                      | 557.521.624          | 557.521.624          | -        |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>1.694.103.664</b> | <b>1.694.103.664</b> | -        |

(\*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty không tiến hành đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác do chưa có đầy đủ cơ sở để đánh giá. Vì vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý bằng giá gốc của khoản đầu tư.

- (1) Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51% tương đương 51.000 USD. Phần lợi nhuận của liên doanh hàng năm vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

- (2) Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kể đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hằng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014 - 2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA được nhận khoản lợi tức đảm bảo là 5.000 USD và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.
- (3) Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hàng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

| Thông tin bổ sung về<br>Công ty con, Công ty liên<br>kết | Hoạt động<br>kinh doanh chính                                                                                                               | Vốn điều lệ tại<br>31/12/2024<br>(VND) | Vốn thực góp<br>tại 31/12/2024<br>(VND) | Tại 31/12/2024                   |                      |
|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------|----------------------|
|                                                          |                                                                                                                                             |                                        |                                         | Tỷ lệ quyền<br>biểu quyết<br>(%) | Tỷ lệ lợi ích<br>(%) |
| <b><u>a. Công ty con</u></b>                             |                                                                                                                                             |                                        |                                         |                                  |                      |
| + Công ty TNHH Đại lý<br>Vận tải Quốc tế phía Bắc        | Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;<br>Môi giới và dịch vụ hàng hải;<br>Đại lý tàu biển và đại lý hàng<br>hải; Vận tải Container bằng<br>đường bộ    | 35.000.000.000                         | 35.000.000.000                          | 100%                             | 100%                 |
| + Công ty TNHH Vitamas                                   | Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho<br>thuê kho bãi, bán hàng hóa.                                                                              | 25.000.000.000                         | 25.000.000.000                          | 100%                             | 100%                 |
| <b><u>b. Công ty liên kết</u></b>                        |                                                                                                                                             |                                        |                                         |                                  |                      |
| + Công ty TNHH NYK<br>Auto Logistics (Việt Nam)          | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến<br>vận tải ô tô: hoạt động tiếp<br>nhận, lưu kho và quản lý thông<br>tin đến vận chuyển và lưu kho<br>hàng hóa | 36.243.000.000                         | 36.243.000.000                          | 20%                              | 20%                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

|                                                     | Tại 31/12/2024         |                        |
|-----------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                     | Giá trị                | Số có khả năng         |
|                                                     | VND                    | trả nợ<br>VND          |
| <b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>        | <b>105.907.067.015</b> | <b>105.907.067.015</b> |
| - Công ty TNHH Thăng Lát                            | 8.776.868.864          | 8.776.868.864          |
| - Công ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh                   | 6.200.153.767          | 6.200.153.767          |
| - Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ        | 2.504.294.237          | 2.504.294.237          |
| - Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Hoàng Anh | 5.423.090.820          | 5.423.090.820          |
| - Euro Pac Logistics Pte., Ltd                      | 955.560.897            | 955.560.897            |
| - Công ty TNHH Thương mại Vận Đạt Thái Bình         | 1.236.232.800          | 1.236.232.800          |
| - Công ty TNHH Thương mại Vận tải Tân Trường        | 1.148.969.800          | 1.148.969.800          |
| - Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Phúc Minh Phát | 902.566.800            | 902.566.800            |
| - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn    | 1.758.799.942          | 1.758.799.942          |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Cầu cảng Đa Phúc          | 3.365.820.599          | 3.365.820.599          |
| - Công ty TNHH Vn Anlogs                            | 3.475.007.491          | 3.475.007.491          |
| - Phải trả người bán khác                           | 70.159.700.998         | 70.159.700.998         |
| <b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>         | -                      | -                      |
| <b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>                | -                      | -                      |
| <b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>      | <b>3.849.459.208</b>   | <b>3.849.459.208</b>   |
| - Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu       | 254.201.458            | 254.201.458            |
| - Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân | 3.575.217.879          | 3.575.217.879          |
| - Tổng công ty Hàng Hải Việt nam - CTCP             | 20.039.871             | 20.039.871             |

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|                                                                  | Tại 31/12/2024        |                       |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                  | Giá trị               | Số có khả năng        |
|                                                                  | VND                   | trả nợ<br>VND         |
| <b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>                         | <b>11.760.084.030</b> | <b>11.760.084.030</b> |
| - Chi Nhánh Công Ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh - Phú Thọ | 2.546.287.437         | 2.546.287.437         |
| - Thong Yi Trading                                               | 326.273.345           | 326.273.345           |
| - Hachiuma Steamship Co., Ltd                                    | 1.552.992.691         | 1.552.992.691         |
| - Multi International Ltd                                        | 545.561.502           | 545.561.502           |
| - Gio Shipping Co., Ltd                                          | 278.744.483           | 278.744.483           |
| - Khách hàng khác                                                | 6.510.224.572         | 6.510.224.572         |
| <b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>                          | -                     | -                     |
| <b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>             | -                     | -                     |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                                                      | Tại 31/12/2024     |                      | Số phát sinh trong năm |                       | Tại 01/01/2024 (*) |                       |
|------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
|                                                      | Phải thu<br>VND    | Phải trả<br>VND      | Số phải nộp<br>VND     | Số đã nộp<br>VND      | Phải thu<br>VND    | Phải trả<br>VND       |
| <b>Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước</b> | <b>144.528.427</b> | <b>7.806.659.382</b> | <b>61.742.896.288</b>  | <b>66.939.243.323</b> | <b>85.827.068</b>  | <b>12.944.305.058</b> |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp                     | -                  | 568.841.296          | 10.361.955.295         | 10.808.468.839        | -                  | 1.015.354.840         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                         | 43.409.745         | 1.951.798.617        | 5.831.032.295          | 8.583.226.605         | -                  | 4.660.583.182         |
| - Thuế thu nhập cá nhân                              | 101.118.682        | 478.547.189          | 3.307.358.056          | 3.188.459.144         | 84.366.336         | 342.895.931           |
| - Các khoản lệ phí, phạt thuế                        | -                  | -                    | 200.134.792            | 241.303.479           | -                  | 41.168.687            |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất                        | -                  | 727.933.457          | 6.038.284.707          | 5.894.791.539         | -                  | 584.440.289           |
| - Các loại thuế khác                                 | -                  | 4.079.538.823        | 36.004.131.143         | 38.222.993.717        | 1.460.732          | 6.299.862.129         |
| + Các loại thuế khác                                 | -                  | 278.301.087          | 3.598.144.316          | 3.319.843.229         | -                  | -                     |
| + Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài            | -                  | 3.801.237.736        | 32.405.986.827         | 34.903.150.488        | 1.460.732          | 6.299.862.129         |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>144.528.427</b> | <b>7.806.659.382</b> | <b>61.742.896.288</b>  | <b>66.939.243.323</b> | <b>85.827.068</b>  | <b>12.944.305.058</b> |

(\*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                           | Tại 31/12/2024<br>VND |
|-------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>          |                       |
| - Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 6.798.753.561         |
| - Thù lao                                 | 569.651.840           |
| - Trích trước chi phí thuê đất            | 12.952.727            |
| - Các khoản trích trước khác              | 1.744.972.466         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>9.126.330.594</b>  |

**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

|                                                            | Tại 31/12/2024<br>VND  |
|------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                            | <b>103.696.641.101</b> |
| - Kinh phí công đoàn, các khoản BHXH                       | 912.788.807            |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả                               | 466.783.335            |
| - Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn                             | 5.568.303.000          |
| - Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu | 71.740.689.008         |
| + Sinotrans Container Lines Co.Ltd                         | 11.737.124.908         |
| + Shanghai Zhonggu Logistics Co.Ltd (1)                    | 9.551.170.338          |
| + Namsung Tax (2)                                          | 3.727.848.513          |
| + Grand China Shipping Co., Ltd.                           | 1.328.360.089          |
| + Qingdao Dongji Shipping Co., Ltd                         | 287.336.802            |
| + Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Miền Nam              | 1.373.765.880          |
| + Dongji Container Line Co., Limited                       | 2.709.541.779          |
| + Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng                       | 3.084.341.185          |
| + Các đối tượng khác                                       | 37.941.199.514         |
| - Tiền ký ngân của các hãng tàu                            | 19.117.837.492         |
| - Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam (3)           | 3.737.387.440          |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác                        | 2.152.852.019          |
| <b>Dài hạn</b>                                             | <b>1.816.487.884</b>   |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn                             | 1.816.487.884          |
| <b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>                       | <b>-</b>               |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>105.513.128.985</b> |

(1) Là khoản phải trả cho Shanghai Zhonggu Logistics Co., Ltd, có giá trị là 9.551.170.338 đồng phát sinh từ nhiều năm trước, nguyên nhân do Chi nhánh kinh doanh dịch vụ Liner, thực hiện thu hộ Khách hàng của Hãng tàu (trong đó Khách hàng cam kết không đòi trả lấy tiền thừa), xuất hóa đơn và trả lại cho Hãng tàu (trong đó có phát sinh khoản chênh lệch do Hãng tàu chỉ tính theo ngày công, dịch vụ đã cung cấp còn khách hàng thanh toán đầy đủ theo hóa đơn). Vì vậy, khoản chênh lệch này được lũy kế hình thành trong nhiều năm trước và chưa xác định được đối tượng phải trả cụ thể lũy kế số dư đến ngày 31/12/2024 là 9.551.170.338 đồng. Theo Thư xác nhận tại ngày 08/10/2024 của Hãng tàu Shanghai Zhonggu Logistics Co., Ltd về việc xác nhận số dư tại ngày 31/12/2023, đã xác nhận tại ngày 31/12/2023 Chi nhánh không còn số dư nợ phải thu hay nợ phải trả (trong năm 2024 không phát sinh thêm giao dịch nào khác), Chi nhánh tiếp tục theo dõi và xử lý trong thời gian tới.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**22. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)**

(2) Là khoản phải trả về thuế nhà thầu (thuế VAT và thuế TNDN của nhà thầu) của Hãng tàu Namsung phát sinh từ nhiều năm trước lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 3.727.848.513 đồng. Nguyên nhân do cách tính thuế của Chi nhánh đối với nhà thầu nước ngoài và biểu thuế của Việt Nam có sự khác biệt (số Chi nhánh đang thu nộp thuế thay lớn hơn số thuế thực tế phải nộp phát sinh) nên phát sinh chênh lệch và tồn đọng lũy kế đến nay. Chi nhánh sẽ thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới và Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn số dư) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

(3) Là khoản Công ty nhận ký quỹ để đảm bảo thực hiện các dịch vụ liên quan đến đại lý tàu. Công ty TNHH SYMS Việt Nam đã tạm dừng hoạt động hoặc đã ngừng hoạt động.

**23. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

|                     | Năm 2024        |
|---------------------|-----------------|
|                     | VND             |
| Số đầu năm          | 7.626.481.186   |
| - Tăng trong năm    | 6.308.184.288   |
| - Chi quỹ trong năm | (6.588.045.753) |
| Số cuối năm         | 7.346.619.721   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****24.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

|                                       | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Lợi ích<br>của cổ đông<br>không kiểm soát | Cộng                   |
|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|
|                                       | VND                       | VND                      | VND                                     | VND                                       | VND                    |
| <b>Tại 01/01/2024 (*)</b>             | <b>140.964.860.000</b>    | <b>157.223.257.335</b>   | <b>73.893.286.714</b>                   | <b>-</b>                                  | <b>372.081.404.049</b> |
| - Lãi trong năm                       | -                         | -                        | 21.916.290.435                          | -                                         | 21.916.290.435         |
| - Phân phối lợi nhuận (**)            | -                         | 8.690.298.529            | (60.107.238.017)                        | -                                         | (51.416.939.488)       |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển         | -                         | 8.690.298.529            | (8.690.298.529)                         | -                                         | -                      |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi      | -                         | -                        | (5.841.384.288)                         | -                                         | (5.841.384.288)        |
| + Trích quỹ khen thưởng ban điều hành | -                         | -                        | (466.800.000)                           | -                                         | (466.800.000)          |
| + Chia cổ tức                         | -                         | -                        | (45.108.755.200)                        | -                                         | (45.108.755.200)       |
| <b>Tại 31/12/2024</b>                 | <b>140.964.860.000</b>    | <b>165.913.555.864</b>   | <b>35.702.339.132</b>                   | <b>-</b>                                  | <b>342.580.754.996</b> |

(\*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ/ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024, Công ty phân phối lợi nhuận cho các phần trích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành và chia cổ tức như đã trình bày trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****24.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****Cổ đông**

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần  
Các cổ đông khác

**Cộng****Tại 31/12/2024**

| <b>Tỷ lệ</b> | <b>Giá trị (VND)</b>   |
|--------------|------------------------|
| 51,05%       | 71.968.380.000         |
| 48,95%       | 68.996.480.000         |
| <b>100%</b>  | <b>140.964.860.000</b> |

**24.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

**Năm 2024**  
**VND**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| - Vốn góp đầu năm        | 140.964.860.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | -               |
| - Vốn góp giảm trong năm | -               |
| - Vốn góp cuối năm       | 140.964.860.000 |

**Cổ tức đã chia**

45.108.755.200

**Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu**

-

**24.4 CỔ PHIẾU**

**Tại 31/12/2024**  
**Cổ phiếu**

|                                        |            |
|----------------------------------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 14.096.486 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 14.096.486 |
| + Cổ phiếu thường                      | 14.096.486 |
| + Cổ phiếu ưu đãi                      | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 14.096.486 |
| + Cổ phiếu thường                      | 14.096.486 |
| + Cổ phiếu ưu đãi                      | -          |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)       | 10.000     |

**24.5 CÁC QUỸ**

**Tại 31/12/2024**  
**VND**

|                       |                        |
|-----------------------|------------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 165.913.555.864        |
| <b>Cộng</b>           | <b>165.913.555.864</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**25. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Tại 31/12/2024****Nguyên tệ****Ngoại tệ các loại**

Đô la Mỹ (USD)

1.731.333,35

Đồng Rúp Nga (RUB)

5.707.044,18

**26. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU****Năm 2024****VND****a. Tổng Doanh thu****1.101.209.084.537**

- Doanh thu đại lý vận tải

698.551.377.502

- Doanh thu kinh doanh kho bãi

134.642.750.229

- Doanh thu đại lý tàu

62.468.025.358

- Doanh thu đại lý Liner

37.453.712.741

- Doanh thu kiểm kiện

25.678.916.132

- Doanh thu bán hàng hóa

59.366.520.804

- Doanh thu dịch vụ khác

83.047.781.771

**b. Các khoản giảm trừ doanh thu**

-

**c. Doanh thu thuần****1.101.209.084.537****d. Doanh thu với các bên liên quan****5.279.853.147**

- Công ty Vận tải Biển VIMC

1.511.389.767

- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ

393.518.550

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

281.804.000

- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng

10.083.500

- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân

1.693.573.960

- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco

24.436.111

- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

14.021.111

- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

144.000.000

- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ

2.800.270

- Công ty Cổ phần Vận Tải Container VIMC

1.203.425.878

- Công ty Cổ phần VIMC Logistics

800.000

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Năm 2024****VND**

Giá vốn đại lý vận tải

674.775.378.886

Giá vốn kinh doanh kho bãi

123.973.780.895

Giá vốn đại lý tàu

39.067.139.035

Giá vốn đại lý Liner

23.344.186.829

Giá vốn kiểm kiện

13.254.903.804

Giá vốn bán hàng hóa

58.037.909.463

Giá vốn dịch vụ khác

82.982.907.568

**Cộng****1.015.436.206.480**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                             | Năm 2024<br>VND       |
|---------------------------------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                  | 3.692.130.815         |
| Lãi bán các khoản đầu tư                    | 80.000.000            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                 | 1.993.595.460         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm   | 12.622.271.251        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | 111.345.785           |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>18.499.343.311</b> |

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                                     | Năm 2024<br>VND      |
|-----------------------------------------------------|----------------------|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm            | 3.738.163.446        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 350.816.760          |
| Chi phí tài chính khác                              | 989.650              |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>4.089.969.856</b> |

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                                                            | Năm 2024<br>VND       |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                                        | <b>73.260.286.959</b> |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu                                            | 450.455.598           |
| - Chi phí nhân viên quản lý                                                | 42.815.498.657        |
| - Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng                                        | 3.108.909.932         |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ                                                    | 2.232.616.682         |
| - Thuế, phí và lệ phí                                                      | 1.475.580.927         |
| - Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi                           | 47.935.805            |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                | 10.820.534.145        |
| - Chi phí bằng tiền khác                                                   | 12.308.755.213        |
| <b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b> | <b>-</b>              |

**31. THU NHẬP KHÁC**

|                           | Năm 2024<br>VND      |
|---------------------------|----------------------|
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 134.360.270          |
| Tiền phạt thu được        | 1.421.372.001        |
| Thu nhập khác             | 126.024.840          |
| <b>Cộng</b>               | <b>1.681.757.111</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***32. CHI PHÍ KHÁC**

|                                               | Năm 2024<br>VND    |
|-----------------------------------------------|--------------------|
| Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ | 40.611.350         |
| Các khoản bị phạt                             | 350.485.112        |
| Các khoản chi phí khác                        | 35.365.660         |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>426.462.122</b> |

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                                                 | Năm 2024<br>VND       |
|-------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>        | <b>27.804.371.376</b> |
| <b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>1.350.790.094</b>  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế | 5.689.183.533         |
| - Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế | (4.338.393.439)       |
| <b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm</b>        | <b>29.155.161.470</b> |
| Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%            | 29.155.161.470        |
| <b>Cộng thuế TNDN hiện hành</b>                 | <b>5.831.032.295</b>  |

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

|                                                                                                       | Năm 2024<br>VND   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 57.048.646        |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>                                               | <b>57.048.646</b> |

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                                              | Năm 2024              |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b> | <b>21.916.290.435</b> |
| Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)                                 | -                     |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)             | 14.096.486            |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>                                     | <b>1.555</b>          |

(\*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế năm 2024. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay là số tạm tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**36. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | <b>Năm 2024</b>          |
|----------------------------------|--------------------------|
|                                  | <b>VND</b>               |
| Chi phí nguyên vật liệu          | 10.129.229.083           |
| Chi phí nhân công                | 118.713.878.208          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.176.686.952           |
| Chi phí dự phòng                 | 47.935.805               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 850.216.389.025          |
| Chi phí bằng tiền khác           | 41.374.464.903           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>1.030.658.583.976</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

| Năm 2024                                            | Đại lý vận tải        | Đại lý tàu            | Kinh doanh kho bãi    | Đại lý liner          | Kiểm kiện             | Bán hàng hóa         | Dịch vụ khác      | Cộng                   |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-------------------|------------------------|
|                                                     | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                  | VND               | VND                    |
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 698.551.377.502       | 62.468.025.358        | 134.642.750.229       | 37.453.712.741        | 25.678.916.132        | 59.366.520.804       | 83.047.781.771    | 1.101.209.084.537      |
| Giá vốn bộ phận                                     | (674.775.378.886)     | (39.067.139.035)      | (123.973.780.895)     | (23.344.186.829)      | (13.254.903.804)      | (58.037.909.463)     | (82.982.907.568)  | (1.015.436.206.480)    |
| <b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>              | <b>23.775.998.616</b> | <b>23.400.886.323</b> | <b>10.668.969.334</b> | <b>14.109.525.912</b> | <b>12.424.012.328</b> | <b>1.328.611.341</b> | <b>64.874.203</b> | <b>85.772.878.057</b>  |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận              |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | (73.260.286.959)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                   |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | 12.512.591.098         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                       |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | 18.499.343.311         |
| Chi phí tài chính                                   |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | (4.089.969.856)        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | (372.888.166)          |
| Thu nhập khác                                       |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | 1.681.757.111          |
| Chi phí khác                                        |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | (426.462.122)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | (5.831.032.295)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | (57.048.646)           |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>     |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | <b>21.916.290.435</b>  |
| <b>Tổng Tài sản</b>                                 |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | <b>617.239.485.563</b> |
| <b>Tổng Nợ phải trả</b>                             |                       |                       |                       |                       |                       |                      |                   | <b>274.658.730.567</b> |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***39. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong năm, các giao dịch và số dư của Tập đoàn với các bên liên quan cụ thể như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan****Năm 2024****VND****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                                      |               |
|------------------------------------------------------|---------------|
| - Công ty Vận tải Biển VIMC                          | 1.511.389.767 |
| - Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ                  | 393.518.550   |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ  | 281.804.000   |
| - Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng             | 10.083.500    |
| - Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân  | 1.693.573.960 |
| - Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco | 24.436.111    |
| - Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ                 | 2.800.270     |
| - Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC             | 1.203.425.878 |
| - Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ                       | 144.000.000   |
| - Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam  | 14.021.111    |
| - Công ty Cổ phần VIMC Logistics                     | 800.000       |

**Mua/Sử dụng hàng hóa, dịch vụ**

|                                                                        |               |
|------------------------------------------------------------------------|---------------|
| - Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng                                       | 472.945.132   |
| - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP                                | 454.152       |
| - Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng                                         | 282.333.000   |
| - Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                                     | 1.299.763.090 |
| - Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ                                 | 85.649.226    |
| - Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng                       | 1.600.000     |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ                    | 256.235.279   |
| - Công ty Cổ phần Lai Dất Và Vận Tải Cảng Hải Phòng                    | 29.273.530    |
| - Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam                            | 8.793.885     |
| - Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam)                              | 2.665.170     |
| - Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ                                    | 3.400.000     |
| - Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân                    | 970.000       |
| - Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải                                | 2.729.772.327 |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận              | 296.794.484   |
| - Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA | 310.859.357   |

**Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                      |               |
|------------------------------------------------------|---------------|
| - Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam) | 1.810.868.714 |
| - Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam)            | 127.715.000   |
| - Công ty liên doanh Bông Sen                        | 55.011.746    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**39. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

| <b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc</b> | <b>Năm 2024<br/>VND</b> |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| - Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị                          | 184.396.750             |
| - Ông Vũ Phước Long - Thành viên Hội đồng Quản trị                      | 508.190.220             |
| - Ông Nguyễn Đình Tú - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công ty              | 1.099.607.627           |
| - Ông Trần Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng Quản trị                      | 145.528.500             |
| - Ông Nguyễn Đức Thiện - Thành viên Hội đồng Quản trị                   | 400.785.200             |
| - Ông Trần Hồng Quang - Thành viên Hội đồng Quản trị                    | 107.728.500             |
| - Bà Nguyễn Bích Thảo - Thành viên Hội đồng Quản trị                    | 271.285.215             |
| - Ông Nguyễn Thế Tiếp - Thành viên Hội đồng Quản trị                    | 126.088.500             |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Phó Tổng Giám đốc                         | 806.377.800             |
| - Ông Hoàng Việt - Trưởng Ban Kiểm soát                                 | 61.852.500              |
| - Ông Nguyễn Hồng Hải - Thành viên Ban Kiểm soát                        | 116.136.500             |
| - Ông Đặng Hồng Trường - Thành viên Ban Kiểm soát                       | 56.112.000              |
| - Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng Ban Kiểm soát                         | 56.112.000              |
| - Ông Nguyễn Sơn Hà - Thành viên Ban Kiểm soát                          | 49.228.000              |
| - Bà Trần Thị Hạnh - Thành viên ban kiểm soát                           | 57.832.500              |
| <b>Cộng</b>                                                             | <b>4.047.261.812</b>    |

**Số dư với các bên liên quan**

**Tại 31/12/2024  
VND**

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                                     |             |
|-----------------------------------------------------|-------------|
| - Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang               | 125.410.683 |
| - Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ                 | 60.000.000  |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ | 36.586.080  |
| - Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ                      | 64.800.000  |
| - Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân     | 429.355.145 |
| - Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC            | 387.800.000 |
| - Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam      | 15.142.800  |

**Phải thu khác**

|                                                     |               |
|-----------------------------------------------------|---------------|
| - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần  | 357.798.600   |
| - Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC            | 1.664.846.256 |
| - Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam | 139.027.181   |
| - Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam  | 1.573.644.014 |

**Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                                     |               |
|-----------------------------------------------------|---------------|
| - Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu       | 254.201.458   |
| - Tổng Công ty Hàng Hải Việt nam - CTCP             | 20.039.871    |
| - Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân | 3.575.217.879 |

**Phải trả khác**

|                                                     |               |
|-----------------------------------------------------|---------------|
| - Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu       | 2.085.148.635 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ | 198.779       |
| - Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải             | 224.573.843   |
| - Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA                | 484.526.024   |
| - Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng                      | 54.708.779    |
| - Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng              | 1.157.429.129 |
| - Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng                    | 458.307.520   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***40. THÔNG TIN KHÁC****40.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được xác định theo bản đồ số 10547-1/GD-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở địa chính - Nhà đất duyệt ngày 02/12/1999 để sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho bãi và sửa chữa container từ năm 2000 đến năm 2050, diện tích khu đất thuê là 10.000 m<sup>2</sup>. Công ty thực hiện trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại Hợp đồng thuê đất với Sở Địa chính - Nhà đất Tp.HCM.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 25, đường Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng và cung cấp các dịch vụ khác từ năm 2016 đến năm 2066. Diện tích khu đất thuê là 2.668,3 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt Chi nhánh để sử dụng với mục đích làm văn phòng Chi nhánh, kho bãi, cung cấp dịch vụ với thời hạn thuê từ 02 năm đến 50 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**40.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến ngày 31/12/2024, 02 Chi nhánh vẫn đang tiếp tục xử lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả để tiến tới đóng mã số thuế của 02 Chi nhánh trong thời gian tới.

Ngày 21/11/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-VOSA/HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH VOSA Sài Gòn trực thuộc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam, dưới hình thức góp vốn bằng tiền với số vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 17 tỷ đồng. Trước đó, theo Nghị quyết số 47/2024/NQ-TH/HĐQT ngày 16/10/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Đề án thành lập Công ty TNHH để chuyển đổi mô hình hoạt động của Chi nhánh VOSA Sài Gòn sang Công ty TNHH VOSA Sài Gòn. Đến ngày 03/01/2025, Công ty bắt đầu thực hiện góp vốn bằng tiền và chính thức thành lập Công ty TNHH VOSA Sài Gòn.

Ngoài sự kiện nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào khác phát sinh có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Tập đoàn.

**40.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***40. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****40.4 CÁC THÔNG TIN KHÁC**

Các thông tin khác phát sinh trong năm của Tập đoàn:

- Theo đề án ngày 11/10/2023 về việc chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Vitamas thành Công ty TNHH Vitamas (Công ty TNHH Vitamas đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0318218907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/12/2023). Theo đó, từ ngày 01/01/2024, toàn bộ nhân viên của Chi nhánh Vitamas đã được chuyển sang ký Hợp đồng lao động và làm việc cho Công ty TNHH Vitamas đồng thời toàn bộ hoạt động của Chi nhánh cũng được chuyển đổi qua Công ty TNHH Vitamas (ngoại trừ các hợp đồng dở dang phát sinh từ trước ngày 01/01/2024 vẫn tiếp tục được thực hiện tại Chi nhánh).
- Theo đề án ngày 20/10/2023 về việc thành lập Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Northfreight, Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202226899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/12/2023. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2024 trở đi, toàn bộ nhân viên của Chi nhánh Northfreight đã được chuyển sang ký Hợp đồng lao động và làm việc cho Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc đồng thời toàn bộ hoạt động của Chi nhánh cũng được chuyển đổi qua Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc thực hiện từ ngày 01/01/2024. Hiện tại, Chi nhánh Northfreight đã bàn giao lại toàn bộ giá trị TSCĐ là Nhà cửa, vật kiến trúc; Thiết bị dụng cụ quản lý về cho Công ty. Đối với các khoản mục còn số dư đang theo dõi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 của Chi nhánh, Chi nhánh sẽ xử lý các khoản công nợ và thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới đồng thời sau khi hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

**40.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"). Theo đó, Tập đoàn không trình bày số liệu so sánh. Một số khoản mục thuyết minh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Thanh Thủy



Nguyễn Đình Tú